

Số: **103** /2021/ DS- ST

Ngày: 06 - 12 - 2021

V/v tranh chấp Hợp đồng Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG**- Thư Ký tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần H**

Trụ sở: số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường B, quận P, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng K** – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Vũ Văn N** – Trưởng phòng giao dịch A(theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2020)

** Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: tổ 11, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Hà Đức D**, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ 11, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh N, bà T, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP H(gọi tắt là Ngân hàng) tại đơn khởi kiện và các tờ tự khai trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần H- Chi nhánh H1- Phòng giao dịch G và bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng cho vay số 0112/2017/HĐCV ngày 01/12/2017. Nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 410.000.000đồng.
- + Mục đích vay để sửa chữa nhà ở.
- +Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 28/02/2018 là 11%, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/ lần + biên độ 2,5%/ năm.
- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- + Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Ngày 04/12/2017 bà Nguyễn Thị T và ông Hà Đức D ký văn bản bảo lãnh trả nợ cho bên thứ 3. Theo đó ông D cam kết trong trường hợp bà T không trả được nợ cho Ngân hàng đúng thỏa thuận đã ký thì ông D có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ, thỏa thuận, văn bản khác ký giữa bà T với Ngân hàng hoặc các văn bản thông báo của Ngân hàng.

Ngày 04/12/2017 Ngân hàng đã giải ngân vốn cho bà T theo khế ước nhận nợ 01 lần với số tiền 410.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ T toán nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 08/10/2020 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền sau:

- + Nợ gốc: 359.855.616 đồng.
- + Lãi trong hạn: 190.319.703 đồng.
- + Lãi quá hạn: 23.576.268 đồng.

Ngân hàng TMCP H yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Hà Đức D trả cho Ngân hàng 359.855.616 đồng tiền vốn, tiền lãi tạm tính đến ngày 06/12/2021 là 345.669.592 đồng(lãi trong hạn và quá hạn). Kể từ ngày 07/12/2021 Nguyễn Thị T, ông Hà Đức D còn phải T toán tiền lãi trên số nợ gốc chưa T toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 0112/2017/HĐCV ngày 01/12/2017 cho đến khi T toán hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Đức D dù được tổng đạt đầy

đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] [1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Hkhởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền vay. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo qui định tại điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp Lương Ngãi, xã Mỹ Lương, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ngày 29/11/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án với lý do tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn biến phức tạp nên không tham gia tố tụng được. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Đức D dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị T đã tự nguyện ký hợp đồng tín dụng, ký giấy nhận nợ ngày 01/12/2017 để vay tín chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền 410.000.000đồng. Đồng thời anh Hà Đức D(con bà T) trong thời gian làm việc tại Ngân hàng cũng ký văn bản cam kết bảo lãnh trả nợ vay với nội dung “ Ông/bà Hà Đức D cam kết trong trường hợp Ông/Bà Nguyễn Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận đã ký kết, thì Ông/bà Hà Đức D có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, thỏa thuận, văn bản khác ký giữa Ông/Bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng hoặc các văn bản thông báo của ngân hàng”. Tuy nhiên sau khi vay tiền đến nay bà T đã không thực hiện việc trả nợ hàng tháng như thỏa thuận, phía anh D cũng không thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh mà còn nghỉ việc tại Ngân hàng. Cụ thể bà T chỉ trả nợ vay hàng tháng đến ngày 02/8/2018 thì ngưng. Từ đó cho thấy thực tế giữa các bên có phát sinh giao dịch dân sự, bà T, anh D đã vi phạm cam kết trả tiền cho Ngân hàng, nên việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Mặc khác, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà T, anh D dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa cũng không có lời trình bày. Đây là đương sự tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì thì tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H buộc bà Nguyễn Thị T, anh Hà Đức D trả cho Ngân hàng

359.855.616 đồng tiền vốn, tiền lãi tạm tính đến ngày 06/12/2021 là 345.669.592 đồng(lãi trong hạn và quá hạn).

[3] Án phí: Bà T, anh D phải chịu án phí do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 335, 342, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Hà Đức D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền vốn là 359.855.616 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 06/12/2021 là 345.669.592 đồng. Tổng cộng là 705.525.207 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, anh Hà Đức D phải chịu 32.221.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm(tính tròn).

Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần H 13.475.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004994 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà T, anh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa T toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 0112/2017/HĐCV ngày 01/12/2017, văn bản bảo lãnh trả nợ của bên thứ 3 ngày 04/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần H với bà Nguyễn Thị T, anh Hà Đức D cho đến khi T toán xong nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay đã ký kết các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay tiền thì lãi suất mà khách hàng vay tiền phải tiếp tục T toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

